

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ B
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 24-7-2017
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ B, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- T phân Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Đức

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thế Hợp

2. Bà Vũ Thị Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Lệ Thy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 137/2017/TLST - HNGĐ ngày 19/6/2017 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 07/7/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Tấn T, sinh năm 1971 (Có mặt)

Bị đơn: Bà Lê Thanh T, sinh năm 1984 (Vắng mặt)

Cùng cư trú tại: Tổ 2, Kp P, phường P, thị xã B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 06/6/2017 và tại phiên tòa nguyên đơn ông Phạm Tấn T trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông và bà Lê Thanh T tự do tìm hiểu, tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2012. Tuy nhiên, đến năm 2016 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thị xã B, tỉnh Bình Phước vào ngày 10/5/2016. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do bà T không chung thủy, có quan hệ bất chính

với người đàn ông khác, không tôn trọng gia đình chồng dẫn đến cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau, có lúc xô xát với nhau, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện nay vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Lê Thanh T.

- *Về con chung*: Ông và bà T không có con chung, không nhận ai làm con nuôi, hiện tại bà T không có mang thai.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Ông và bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

*** Phần trình bày của bị đơn bà Lê Thanh T:**

Tại phiên tòa hôm nay bà Lê Thanh T vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt). Trong quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản lấy lời khai ngày 22/6/2017 bà T trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của ông T về quan hệ hôn nhân, thời gian chung sống vợ chồng, thời gian kết hôn, về con chung. Tuy nhiên, nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà và ông T là do ông T có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, thường xuyên đi nhậu. Mỗi lần đi nhậu về ông T chửi mắng bà với những lời lẽ thô tục và xúc phạm gia đình bà. Từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã với nhau, có lúc xô xát với nhau. Nay ông T yêu cầu ly hôn thì bà không đồng ý vì bà muốn có thời gian cùng ông T suy nghĩ lại để hàn gắn gia đình.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa:**

- *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án*: Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, Điều 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên cho nguyên đơn ông Phạm Tấn T được ly hôn với bị đơn bà Lê Thanh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Đây là vụ án ly hôn do nguyên đơn Phạm Tấn T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn bà Lê Thanh T theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, do bị đơn bà Lê Thanh T hiện đang cư trú tại Tổ 2, khu phố P, phường P, thị xã B, tỉnh Bình Phước, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lê Thanh T có đơn xin vắng mặt và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt bà. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn bà Lê Thanh T.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Phạm Tấn T và bà Lê Thanh T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2012. Tuy nhiên, đến ngày 10/5/2016 ông T và bà T mới làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân phường P, thị xã B, tỉnh Bình Phước. Việc kết hôn của ông T và bà T là đúng theo quy định tại Điều 9 và không vi phạm điều kiện kết hôn theo quy định tại điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] *Về mâu thuẫn vợ chồng*: Ông T và bà T đều thừa nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn. Căn cứ vào Biên bản xác minh ngày 03/7/2017 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Phước tại khu phố P, phường P, thị xã B, tỉnh Bình Phước thể hiện: Quá trình chung sống ông T và bà T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã và xô xát với nhau. Quan hệ hôn nhân đã trầm trọng, không hạnh phúc. Nội dung Biên bản xác minh ngày 03/7/2017 phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn ông Phạm Tấn T và bị đơn bà Lê Thanh T.

[4] *Về hòa giải đoàn tụ*: Trong quá trình thu thập chứng cứ, Tòa án đã mở phiên hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, nhưng bị đơn bà Lê Thanh T có đơn xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nên không tiến hành hòa giải đoàn tụ được. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã phân tích các nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, các hậu quả về xã hội và gia đình sau khi vợ chồng ly hôn, nhưng ông Phạm Tấn T vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với bà Lê Thanh T.

[5] *Căn cứ pháp lý*: Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng làm cho tình trạng hôn nhân giữa ông T và bà T trở nên trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp

nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn ông Phạm Tấn T đối với bị đơn bà Lê Thanh T.

[6] *Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát*: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 tuyên xử cho ông Phạm Tấn T được ly hôn với bà Lê Thanh T là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về con chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét

Về tài sản chung và nợ chung: Do nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định “*Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn*”. Do đó, nguyên đơn ông Phạm Tấn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn bà Lê Thanh T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Tấn T.

Ông Phạm Tấn T, sinh năm: 1971 được ly hôn với bà Lê Thanh T, sinh năm: 1984

Về con chung; tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Tấn T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn*

đồng) đồng ông T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003794 ngày 13/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Bình Phước.

Bà Lê Thanh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- UBND phường P, Tx B
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Hữu Đức